

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 113/2025/HNGĐ - ST  
Ngày: 15/4/2025  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26/3/2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị H Tâm ÊBan, sinh năm 1991, Số định danh cá nhân: 066191015248; địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện nay: Nhà trọ Lê Thị Mỹ L, địa chỉ: D, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Lê Đình C, sinh năm 1986, Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 90/2024/QĐST-DS ngày 08/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị H Tn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đình Côn với nhau do hai

bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh Cay chơi bời cờ bạc. Đến tháng 03/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên đã sống ly thân. Đến ngày 01/5/2020 thì anh C khởi địa phương, khi đi không nói gì với chị và gia đình, từ ngày anh C thì chị và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Tháng 6 năm 2024 chị có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố anh Lê Đình Cích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm anh Lê Đình C trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về anh C. Ngày 08/11/2024 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố anh Lê Đình Cích. Từ đó đến nay chị và gia đình vẫn không có tin tức gì xác thực về anh C, nên nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị H Tn xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Lê Đình Quốc B, sinh ngày 10/11/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị. Nguyên vọng của chị Êu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Ct tích, hiện không rõ ở đâu.

Về tài sản và công nợ: Chị H Tâm Ê Ban xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Đình Cười đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về anh C, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2025, cháu Lê Đình Quốc B trình bày ý kiến thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị H Tn)

*Tại Biên bản xác minh lập ngày 19/3/2025, đại diện UBND xã Xiết:*

Chị H Tn và anh Lê Đình Can hệ là vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký tại UBND xã X. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Lê Đình Quốc B, sinh ngày 10/11/2017. Anh chị làm ăn sinh sống ở địa phương khác, ít khi về quê tại xã X. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở. Ngày 08/11/2024, anh Lê Đình C Tòa án tuyên bố là người mất tích theo Quyết định số 90/2024/QĐST-DS.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:*

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị H Tn được ly hôn với anh Lê Đình C.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Lê Đình Quốc B, sinh ngày 10/11/2017 cho chị H Tn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Cyên, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị H Tn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H Tn khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Đình C, có HKTT tại: Thôn H, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là anh Lê Đình C Tòa án tuyên bố là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về anh C, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Nguyên đơn là chị H Tâm EBan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H Tn và anh Lê Đình Cuyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/02/2016, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H Tn và anh Lê Đình Cn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ tháng 01 năm 2020 anh C nhà đi biệt tích; Chị Eìm kiếm nhiều

nơi nhưng không có tin tức xác thực về anh C, nên có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố anh Cích. Tại Quyết định số 90/2024/QĐST-DS ngày 08/11/2024 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố anh Lê Đình Cười mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức xác thực về anh Cở đâu, còn sống hay đã chết. Nay chị Êon yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*, nên chấp nhận yêu cầu của chị Ê, xử cho chị H Tn được ly hôn với anh Lê Đình C.

[3] Về con chung: Chị H Tn và anh Lê Đình C (một) con chung là cháu Lê Đình Quốc B, sinh ngày 10/11/2017.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị H Tn thấy rằng: Chị Êiáo viên, hiện đang làm việc tại Trường Mầm non T1 thu nhập 8.500.000 đồng/tháng, có đủ các điều kiện để nuôi con tốt; con chung là cháu Lê Đình Quốc Bn đang ở với chị Êũng có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ (chị Ê), trong khi anh Lê Đình Cười mất tích, hiện không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ê, giao con chung cho chị Ê tiếp nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H Tn không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó anh Lê Đình C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phân tài sản và công nợ: Chị H Tn xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Lê Đình Cười mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H Tn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*1. Về hôn nhân:* Xử cho chị H Tn được ly hôn với anh Lê Đình C.

*2. Về con chung:* Chị H Tn và anh Lê Đình C (một) con chung là cháu Lê Đình Quốc B, sinh ngày 10/11/2017.

Giao con chung là cháu Lê Đình Quốc B chị H Tn trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng. Anh Lê Đình C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Đình Cyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị H Tn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005329 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị H Tn đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**